





**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2020



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**  
**Đăng ký Doanh nghiệp số** 2600393941 ngày 30 tháng 5 năm 2007

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2600393941 ngày 18 tháng 5 năm 2020. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Hoàng Giang	Chủ tịch (từ ngày 15 tháng 11 năm 2020)
Ông Nguyễn Ngọc Châu	Chủ tịch (đến ngày 14 tháng 11 năm 2020)
Ông Võ Sỹ Dông	Thành viên
Bà Nguyễn Thu Hương	Thành viên
Ông Bùi Văn Thiêng	Thành viên
Ông Lê Hoài Thanh	Thành viên

**Ban Kiểm soát**

Ông Nguyễn Tiến Thọ	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Hương Giang	Thành viên
Bà Nguyễn Hồ Bảo Ngọc	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Bùi Văn Thiêng	Giám đốc
Ông Vũ Danh Tuyên	Phó Giám đốc (đến ngày 25 tháng 8 năm 2020)

**Trụ sở đăng ký**

Khu công nghiệp Trung Hà  
Xã Dân Quyền, Huyện Tam Nông  
Tỉnh Phú Thọ  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

042  
JHA  
TY  
M  
HỒ

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 28 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Tỉnh Phú Thọ, ngày 5 tháng 3 năm 2021

3939  
NG T  
PHẢI  
ÀI G  
Ú TH  
G - T

001-6  
ANH  
TNHI  
G  
CHIM





KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 5 tháng 3 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 28.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh**  
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 20-01-00307-21-2



Hà Vũ Đình  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0414-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 3 năm 2021

C.P. X

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2020 VND</b>	<b>1/1/2020 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>213.468.608.223</b>	<b>166.130.985.934</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>6</b>	<b>133.066.762.733</b>	<b>56.780.688.071</b>
Tiền	111		40.147.287.771	3.280.688.071
Các khoản tương đương tiền	112		92.919.474.962	53.500.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>15.977.545.619</b>	<b>27.364.063.754</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	11.500.832.680	24.851.400.970
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.189.079.300	2.323.758.675
Phải thu ngắn hạn khác	136		287.633.639	188.904.109
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>64.294.669.220</b>	<b>60.901.072.344</b>
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>129.630.651</b>	<b>21.085.161.765</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		129.630.651	520.867.711
Thuế phải thu Nhà nước	153	12(b)	-	20.564.294.054
<b>Tài sản dài hạn (200 = 220 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>198.665.186.817</b>	<b>228.327.836.657</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>9</b>	<b>190.964.052.851</b>	<b>219.394.533.815</b>
Tài sản cố định hữu hình	221		190.964.052.851	219.394.533.815
Nguyên giá	222		523.222.244.712	509.995.048.427
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(332.258.191.861)	(290.600.514.612)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>7.701.133.966</b>	<b>8.933.302.842</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	7.701.133.966	8.933.302.842
<b>TỔNG TÀI SẢN 270 = 100 + 200</b>	<b>270</b>		<b>412.133.795.040</b>	<b>394.458.822.591</b>



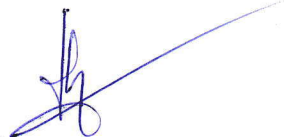
**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 - DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>184.211.910.085</b>	<b>154.600.660.349</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>175.596.321.995</b>	<b>137.941.072.259</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	8.306.051.447	12.381.445.874
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		54.096.300	186.521.382
Thuế phải nộp Nhà nước	313	12(a)	49.145.293.814	2.788.133.829
Phải trả người lao động	314		2.604.564.000	2.292.249.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		3.751.817.383	3.985.812.702
Phải trả ngắn hạn khác	319	13	15.160.167.250	9.697.978.000
Vay ngắn hạn	320	14(a)	94.114.834.692	103.544.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	15	2.459.497.109	3.064.931.472
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>8.615.588.090</b>	<b>16.659.588.090</b>
Vay dài hạn	338	14(b)	8.615.588.090	16.659.588.090
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>227.921.884.955</b>	<b>239.858.162.242</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>16</b>	<b>227.921.884.955</b>	<b>239.858.162.242</b>
Vốn cổ phần	411	17	125.000.000.000	125.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		125.000.000.000	125.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	19	23.517.055.477	23.517.055.477
Lợi nhuận thuế chưa phân phối	421		79.404.829.478	91.341.106.765
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		68.114.069.466	51.387.973.137
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		11.290.760.012	39.953.133.628
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>412.133.795.040</b>	<b>394.458.822.591</b>

Ngày 5 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Trần Bích Thủy  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Bùi Văn Thiềng  
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

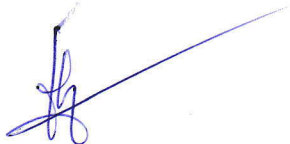
**Mẫu B 02 - DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
<b>Doanh thu bán hàng</b>	<b>01</b>	<b>20</b>	<b>345.542.706.412</b>	<b>593.391.210.490</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>21</b>	<b>316.580.574.297</b>	<b>503.801.016.781</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>28.962.132.115</b>	<b>89.590.193.709</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21		2.775.865.866	1.193.486.534
Chi phí tài chính	22		3.019.183.894	2.832.916.937
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>3.019.183.894</i>	<i>2.832.916.937</i>
Chi phí bán hàng	25		4.148.259.011	5.052.692.194
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	12.388.661.302	16.613.088.105
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>12.181.893.774</b>	<b>66.284.983.007</b>
Thu nhập khác	31		115.157.461	42.534.650
Chi phí khác	32		21.524.426	-
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>93.633.035</b>	<b>42.534.650</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>12.275.526.809</b>	<b>66.327.517.657</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>24</b>	<b>984.766.797</b>	<b>5.048.634.029</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>24</b>	<b>-</b>	<b>75.750.000</b>
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>11.290.760.012</b>	<b>61.203.133.628</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	903	4.281

Ngày 5 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Trần Bích Thủy  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Bùi Văn Thiêng  
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã Thuyết số minh</b>	<b>2020 VND</b>	<b>2019 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>12.275.526.809</b>	<b>66.327.517.657</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	41.657.677.249	40.136.294.829
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.775.865.866)	(1.193.486.534)
Chi phí lãi vay	06	3.019.183.894	2.832.916.937
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>54.176.522.086</b>	<b>108.103.242.889</b>
Biến động các khoản phải thu	09	34.002.966.722	(9.310.280.806)
Biến động hàng tồn kho	10	(3.393.596.876)	(13.376.509.989)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	42.566.834.624	(9.031.892.631)
Biến động chi phí trả trước	12	1.623.405.936	1.512.727.643
		<b>128.976.132.492</b>	<b>77.897.287.106</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	(3.038.372.605)	(2.757.057.389)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.374.664.826)	(4.197.243.284)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(5.082.471.662)	(6.528.274.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>118.480.623.399</b>	<b>64.414.712.433</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(14.860.570.015)	(22.181.659.508)
Tiền thu lãi tiền gửi	27	2.832.136.336	1.004.582.425
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(12.028.433.679)</b>	<b>(21.177.077.083)</b>

001-6  
 NH  
 (NH)  
 3  
 NH



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*


Mã Thuyết số minh	2020 VND	2019 VND
----------------------	-------------	-------------

**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

Tiền thu từ đi vay	33	199.658.249.297	418.012.174.515
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(217.131.414.605)	(362.879.021.215)
Tiền chi trả cổ tức	36	(12.692.949.750)	(43.986.442.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(30.166.115.058)</b>	<b>11.146.711.300</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>76.286.074.662</b>	<b>54.384.346.650</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>56.780.688.071</b>	<b>2.396.341.421</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>133.066.762.733</b>	<b>56.780.688.071</b>

Ngày 5 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Trần Bích Thủy  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Bùi Văn Thiêng  
Giám đốc





**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 10 tháng 8 năm 2016, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) với mã giao dịch là BSP.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát; xuất, nhập khẩu bia, rượu, nước giải khát và các loại hương liệu, nước cốt để sản xuất bia, rượu và nước giải khát.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 116 nhân viên (1/1/2020: 120 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(d) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(e) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	12 – 48 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 12 năm
▪ thiết bị quản lý	3 – 10 năm

**(f) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Bao bì luân chuyển**

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, kết sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(ii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(g) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(h) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(i) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(j) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(k) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(l) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê trong suốt thời hạn thuê.

**(m) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(n) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**(o) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng, quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(p) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

**(q) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

**4. Báo cáo bộ phận**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là kinh doanh rượu và nước giải khát. Trong năm, không diễn ra hoạt động sản xuất kinh doanh nào khác ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019 đều liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

**5. Ảnh hưởng của Covid-19 và nghị định mới**

Sự bùng phát của đại dịch Vi rút Corona 2019 (“Covid-19”) từ tháng 3 năm 2020 tại Việt Nam và các biện pháp kiểm dịch và cách ly do Chính phủ Việt Nam ban hành đã ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn, bên liên quan, và do đó ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty. Nghị định 100/2019/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2020 cũng ảnh hưởng đến ngành sản xuất và kinh doanh bia rượu. Ban Giám đốc Công ty đã điều chỉnh chiến lược kinh doanh và áp dụng các biện pháp kiểm soát chi phí để giảm thiểu tác động tài chính của các sự kiện này. Mặc dù Việt Nam đã cho phép tất cả các lĩnh vực kinh doanh được mở cửa hoạt động trở lại, nhưng hoạt động du lịch quốc tế vẫn tạm thời bị đóng cửa. Ban Giám đốc Công ty vẫn tiếp tục theo dõi tình hình đại dịch Covid-19 để đưa ra các giải pháp kinh doanh phù hợp.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 - DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**6. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tiền mặt	727.439.940	557.370.056
Tiền gửi ngân hàng	39.419.847.831	2.723.318.015
Các khoản tương đương tiền (*)	92.919.474.962	53.500.000.000
	133.066.762.733	56.780.688.071

(\*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng. Các khoản tương đương tiền được gửi bằng VND và hưởng lãi suất là 3% một năm (1/1/2020: 5% một năm).

**7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn - bên liên quan	11.483.668.900	24.851.400.970
Các khách hàng khác	17.163.780	-
	11.500.832.680	24.851.400.970

Khoản phải thu thương mại từ bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

**8. Hàng tồn kho**

	31/12/2020		1/1/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	21.082.934.460	-	22.768.990.019	-
Công cụ và dụng cụ	15.133.221.458	-	13.643.810.655	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	11.394.512.819	-	13.122.566.185	-
Thành phẩm	16.684.000.483	-	11.365.705.485	-
	64.294.669.220	-	60.901.072.344	-



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	123.356.238.051	376.475.986.847	7.946.335.259	2.216.488.270	509.995.048.427
Tăng trong năm	1.625.227.273	10.421.967.193	-	1.180.001.819	13.227.196.285
Số dư cuối năm	124.981.465.324	386.897.954.040	7.946.335.259	3.396.490.089	523.222.244.712
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	33.754.984.369	249.802.178.809	5.862.486.672	1.180.864.762	290.600.514.612
Khấu hao trong năm	5.236.119.929	35.487.760.389	556.535.358	377.261.573	41.657.677.249
Số dư cuối năm	38.991.104.298	285.289.939.198	6.419.022.030	1.558.126.335	332.258.191.861
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	89.601.253.682	126.673.808.038	2.083.848.587	1.035.623.508	219.394.533.815
Số dư cuối năm	85.990.361.026	101.608.014.842	1.527.313.229	1.838.363.754	190.964.052.851

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 10.907 triệu VND (1/1/2020: 2.444 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 181.813 triệu VND (1/1/2020: 218.154 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 14).

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**10. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Bao bì luân chuyển VND</b>	<b>Công cụ và dụng cụ VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Số dư đầu năm	3.869.885.708	5.063.417.134	8.933.302.842
Tăng trong năm	3.244.792.925	4.524.967.770	7.769.760.695
Phân bổ trong năm	(2.526.446.351)	(6.475.483.220)	(9.001.929.571)
Số dư cuối năm	4.588.232.282	3.112.901.684	7.701.133.966

**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	<b>Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>31/12/2020 VND</b>	<b>1/1/2020 VND</b>
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	2.641.429.652	8.273.322.123
Công ty Cổ phần Lương thực Hà Nam Ninh	1.236.816.000	-
Công ty TNHH Năng Lượng Xanh - Phú Thọ	904.552.211	1.054.452.137
Công ty TNHH Beerplaza Holding Việt Nam	835.184.240	227.963.560
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Đại Nam	-	1.389.582.193
Các nhà cung cấp khác	2.688.069.344	1.436.125.861
	<b>8.306.051.447</b>	<b>12.381.445.874</b>

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	<b>Giá trị ghi sổ/Số có Khả năng trả nợ</b>	
	<b>31/12/2020 VND</b>	<b>1/1/2020 VND</b>
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	2.641.429.652	8.273.322.123
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	30.690.000	-

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi có yêu cầu.

01-  
NH  
INH  
G  
CHÍ

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**2. Thuế phải nộp/phải thu Nhà nước**

**a) Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2020 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số còn trừ trong năm VND	31/12/2020 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.248.848.042	64.865.157.060	(34.928.111.669)	(26.664.559.516)	4.521.333.917
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	304.715.835.442	(239.654.746.222)	(20.564.294.054)	44.496.795.166
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.505.627.195	984.766.797	(2.374.664.826)	-	115.729.166
Thuế thu nhập cá nhân	33.658.592	994.881.530	(1.017.104.557)	-	11.435.565
	2.788.133.829	371.560.640.829	(277.974.627.274)	(47.228.853.570)	49.145.293.814

**b) Thuế phải thu Nhà nước**

	1/1/2020 VND	Cán trừ với thuế phải nộp trong năm VND	31/12/2020 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	20.564.294.054	(20.564.294.054)	-





**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***13. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2020</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2020</b> <b>VND</b>
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.471.300.000	7.074.100.000
Cổ tức phải trả	8.649.731.250	2.592.681.000
Phải trả ngắn hạn khác	39.136.000	31.197.000
	<hr/>	
	15.160.167.250	9.697.978.000
	<hr/>	

**14. Vay****(a) Vay ngắn hạn**

	<b>1/1/2020</b> <b>Giá trị ghi sổ/số có</b> <b>khả năng trả nợ</b> <b>VND</b>	<b>Biến động trong năm</b>		<b>31/12/2020</b> <b>Giá trị ghi sổ/số có</b> <b>khả năng trả nợ</b> <b>VND</b>
		<b>Tăng</b> <b>VND</b>	<b>Giảm</b> <b>VND</b>	
Vay ngắn hạn	95.500.000.000	199.658.249.297	(209.087.414.605)	86.070.834.692
Vay dài hạn đến hạn trả	8.044.000.000	8.044.000.000	(8.044.000.000)	8.044.000.000
	<hr/>			
	103.544.000.000	207.702.249.297	(217.131.414.605)	94.114.834.692
	<hr/>			

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất năm</b>	<b>31/12/2020</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2020</b> <b>VND</b>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh (*)	VND	4,3% - 6,2%	86.070.834.692	95.500.000.000
			<hr/>	

(\*) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (“Vietinbank”) - Chi nhánh Quang Minh có hạn mức tín dụng là 100.000 triệu VND và được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình như được trình bày ở Thuyết minh 14(b).

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Vay dài hạn**

	<b>31/12/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay dài hạn	16.659.588.090	24.703.588.090
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(8.044.000.000)	(8.044.000.000)
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	8.615.588.090	16.659.588.090

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất năm</b>	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>31/12/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
				<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vietinbank – Chi nhánh Quang Minh (*)	VND	8,3% - 9,6%	2022 - 2023	16.659.588.090	24.703.588.090

(\*) Khoản vay dài hạn này có hạn mức tín dụng là 50.000 triệu VND.

Khoản vay ngắn hạn và dài hạn từ Vietinbank – Chi nhánh Quang Minh được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 181.813 triệu VND (1/1/2020: 218.154 triệu VND) (Thuyết minh 9).

**15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông. Quỹ được dùng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2020</b>	<b>2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	3.064.931.472	1.897.205.472
Trích lập trong năm (Thuyết minh 16)	-	2.500.000.000
Trích bổ sung quỹ khen thưởng, phúc lợi của năm trước (Thuyết minh 16)	4.477.037.299	5.196.000.000
Sử dụng trong năm	(5.082.471.662)	(6.528.274.000)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	2.459.497.109	3.064.931.472

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**16. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn cổ phần VND</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển VND</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019</b>	125.000.000.000	23.517.055.477	81.583.973.137	230.101.028.614
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	61.203.133.628	61.203.133.628
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 15)	-	-	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
Trích bổ sung quỹ khen thưởng, phúc lợi của năm trước (Thuyết minh 15)	-	-	(5.196.000.000)	(5.196.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 18)	-	-	(43.750.000.000)	(43.750.000.000)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020</b>	125.000.000.000	23.517.055.477	91.341.106.765	239.858.162.242
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	11.290.760.012	11.290.760.012
Trích bổ sung quỹ khen thưởng, phúc lợi của năm trước (Thuyết minh 15)	-	-	(4.477.037.299)	(4.477.037.299)
Cổ tức (Thuyết minh 18)	-	-	(18.750.000.000)	(18.750.000.000)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>	125.000.000.000	23.517.055.477	79.404.829.478	227.921.884.955

042  
 NH  
 ST  
 PH  
 001



## Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

### 17. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2020 và 1/1/2020	
	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	12.500.000	125.000.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	12.500.000	125.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019.

### 18. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 6 tháng 7 năm 2020, Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 31.250 triệu VND (tương đương 2.500 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019 (2019: phân phối cổ tức cho các cổ đông là 25.000 triệu VND, tương đương 2.500 VND/cổ phiếu, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018).

Tại cuộc họp ngày 27 tháng 12 năm 2020, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định tạm ứng cổ tức cho các cổ đông năm 2020 là 6.250 triệu VND (tương đương 500 VND/cổ phiếu) (2019: tạm ứng cổ tức cho các cổ đông năm 2019 là 18.750 triệu VND, tương đương 1.500 VND/cổ phiếu).

### 19. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**20. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	<b>2020</b>	<b>2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	340.589.266.218	588.048.479.161
<i>Doanh thu bán thành phẩm đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	<i>645.305.101.660</i>	<i>1.080.696.010.890</i>
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	<i>(304.715.835.442)</i>	<i>(492.647.531.729)</i>
▪ Doanh thu khác	4.953.440.194	5.342.731.329
	<hr/>	<hr/>
	345.542.706.412	593.391.210.490

**21. Giá vốn hàng bán**

	<b>2020</b>	<b>2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	308.119.153.384	502.391.564.246
▪ Giá vốn khác	8.461.420.913	1.409.452.535
	<hr/>	<hr/>
	316.580.574.297	503.801.016.781

**22. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2020</b>	<b>2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	7.118.740.251	9.071.363.163
Chi phí khấu hao	1.413.128.852	2.318.981.555
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.291.069.855	4.436.920.009
Chi phí quản lý khác	565.722.344	785.823.378
	<hr/>	<hr/>
	12.388.661.302	16.613.088.105

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**23. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2020</b>	<b>2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	245.816.237.003	437.733.502.847
Chi phí nhân công và nhân viên	20.012.870.816	26.020.358.465
Chi phí khấu hao và phân bổ	41.657.677.249	40.136.294.829
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.046.897.793	28.395.060.974
Chi phí khác	4.514.323.200	7.149.932.762

**24. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>2020</b>	<b>2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Năm hiện hành	984.766.797	5.048.634.029
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	-	75.750.000
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>984.766.797</b>	<b>5.124.384.029</b>

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2020</b>	<b>2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	12.275.526.809	66.327.517.657
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	1.841.329.021	9.949.127.649
Chi phí không được khấu trừ thuế	128.204.573	148.140.409
Ưu đãi thuế	(984.766.797)	(5.048.634.029)
Xóa sổ tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	75.750.000
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>984.766.797</b>	<b>5.124.384.029</b>

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế trong 12 năm tính từ năm đầu tiên đi vào hoạt động (2011). Theo các điều khoản trong luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty được miễn thuế thu nhập trong 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ 2011 đến 2013) và giảm 50% thuế thu nhập trong 7 năm tiếp theo (từ 2014 đến 2020).

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

**25. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	<b>2020</b>	<b>2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận thuần trong năm	11.290.760.012	61.203.133.628
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(7.696.000.000)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	<u>11.290.760.012</u>	<u>53.507.133.628</u>

(\*) Số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được ước tính dựa vào số được phê duyệt bởi các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty.

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 12.500.000 cổ phiếu.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***26. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2020 VND	2019 VND
<b>Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn</b>		
Bán thành phẩm (đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	558.439.035.140	1.010.778.351.359
Mua nguyên vật liệu	191.439.544.538	370.842.387.200
Cổ tức	5.068.125.000	11.825.625.000
<b>Công ty TNHH Thương mại Chiêu Xuân</b>		
Bán thành phẩm (đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	4.059.104.530	13.590.958.000
<b>Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân</b>		
Cổ tức	1.279.575.000	2.985.675.000
<b>Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh</b>		
Mua hàng hóa	545.600.000	361.150.000
<b>Công ty TNHH Tân Hạnh Nguyên</b>		
Mua hàng hóa	713.664.000	841.812.000
<b>Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây</b>		
Mua hàng hóa	20.454.545	98.286.545
<b>Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ Khí Sa Be Co</b>		
Mua dịch vụ	120.000.000	766.305.176
<b>Nhân sự quản lý chủ chốt</b>		
Lương, thưởng và thù lao	1.675.689.000	3.657.608.508

01-C.T.  
NH  
TNHH  
G  
CHI M

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 - DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**27. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ngày 5 tháng 3 năm 2021

Người lập:



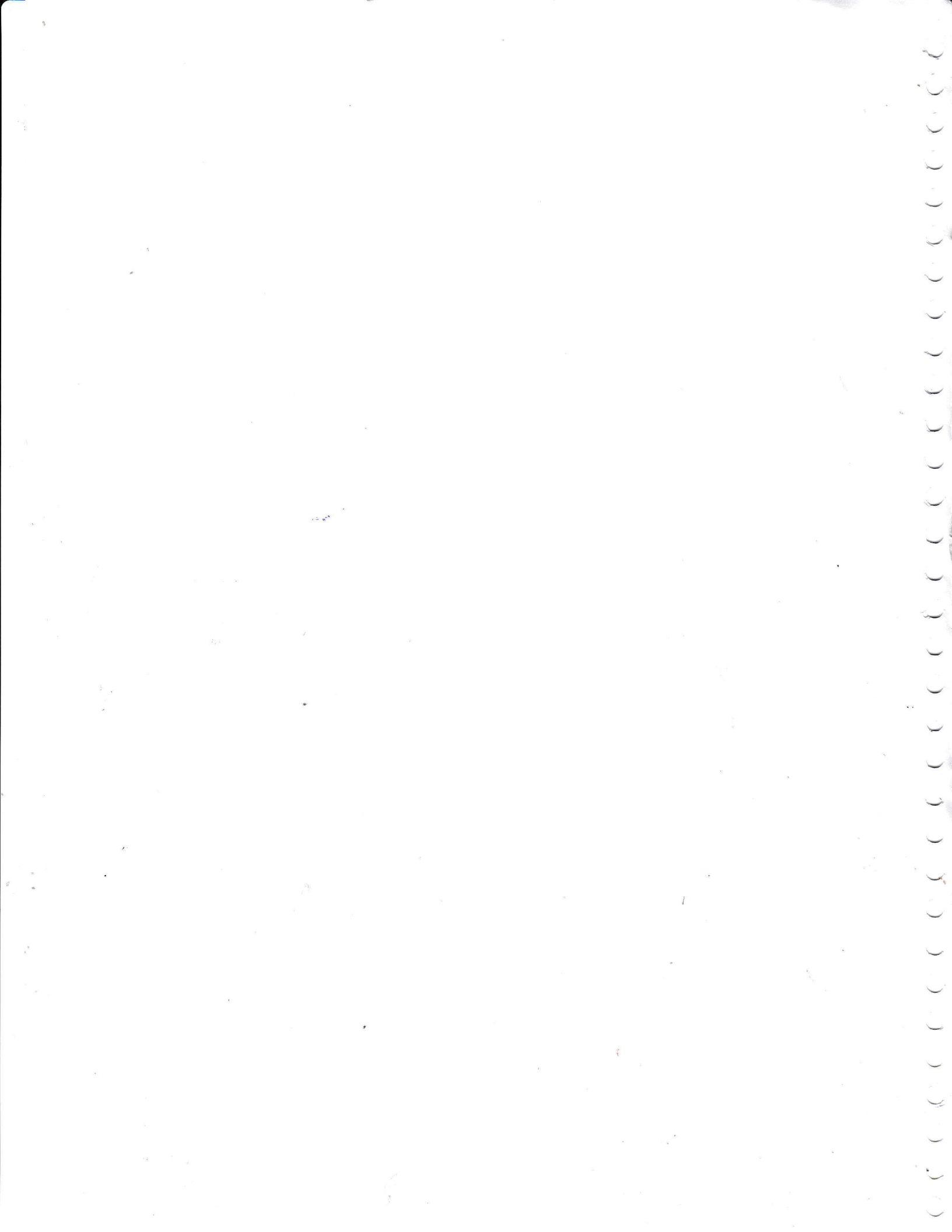
Trần Bích Thủy  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Bùi Văn Thiêng  
Giám đốc





Số: 05./2021/CV-SGPT

Phú Thọ, ngày 09 tháng 03 năm 2021

“V/v: Giải trình chênh lệch lợi nhuận năm 2020 giảm 81.56% so với năm trước”

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI.**

Trước hết, Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Phú Thọ xin gửi tới Quý cơ quan lời chào trân trọng và hợp tác.

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Phú Thọ giải trình việc lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo năm 2020.

- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN năm 2019: 61.203.133.628 đồng
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN năm 2020: 11.290.760.012 đồng
- Chênh lệch lợi nhuận năm 2020 đạt 18.44% so với năm 2019 do:

Tên Sản phẩm	Doanh thu thuần (đồng)		Sản lượng bán hàng		Chênh lệch
	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019	
	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5=1-2</i>
Bia lon Sài Gòn 333	100,809,503,130	215,771,628,279	9,559,408	19,221,515	-114,962,125,149
Bia lon Sài Gòn Lager	186,925,441,136	329,559,277,881	19,204,598	31,051,271	-142,633,836,745
Bia Hơi Sài Gòn	52,854,321,952	42,717,573,001	11,321,709	9,113,477	10,136,748,951
Doanh thu khác	4,953,440,194	5,342,731,329			-389,291,135
Tổng cộng	345,542,706,412	593,391,210,490	40,085,715	59,386,263	-247,848,504,078

Nguyên nhân lợi nhuận năm 2020 giảm chủ yếu do: sản lượng bán bia năm 2020 thấp hơn so với năm 2019. Doanh thu thuần năm 2020 giảm so với năm 2019 là 247.848.504.078 đồng.

Trên đây là nguyên nhân chính làm ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 của công ty.

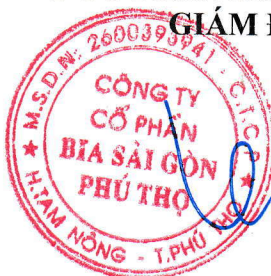
Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Phú Thọ cam kết nội dung trong công văn giải trình trên đây là trung thực và chính xác.

**Trân trọng!**

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu: HDQT, VT.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN- PHÚ THỌ**



**GIÁM ĐỐC**

*Bùi Văn Thiêng*